

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 5- 2019

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Bình An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hoàng

Bà Trần Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1307/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2019/QĐ-HPT ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1986

- *Bị đơn:* Anh Lê Tấn T, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L.

(Chị N có mặt, anh T vắng mặt – đã triệu tập hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Ánh N trình bày: Chị và anh Lê Tấn T có tìm hiểu nhau 01 năm, sau đó chung sống với nhau vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L vào năm 2009. Thời gian đầu chị và anh T chung sống có hạnh phúc nhưng từ tháng 01 năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống không còn hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau, anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên chị ly thân với anh T tháng 01 năm 2018 cho đến nay.

Quá trình chung sống, chị và anh T có 02 con chung tên Lê Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 24/6/2009 và Lê Thảo N, sinh ngày 18/6/2012, không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị xin ly hôn với anh Lê Tấn T. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản ngày 02/02/2019, con chung của chị N và anh T tên Lê Nguyễn Tuấn P có nguyện vọng sống với chị N khi chị N và anh T ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa có thông báo cho anh T biết về yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng anh T không có ý kiến phản hồi, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng tiếp theo theo quy định của pháp luật nhưng anh T cũng không đến Tòa án nên chị N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T, xin nuôi con chung tên Lê Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 24/6/2009 và Lê Thảo N, sinh ngày 18/6/2012, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Chị Nguyễn Thị Ánh N xin ly hôn với anh Lê Tấn T là thuộc quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

1.2. Anh Lê Tấn T là bị đơn có địa chỉ thường trú tại ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Anh Lê Tấn T vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Lê Tấn T kết hôn với nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L là phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Chị Nguyễn Thị Ánh N cho rằng nguyên nhân chị xin ly hôn với anh Lê Tấn T là do vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng vì cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T không còn hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau, anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Đồng thời chị và anh T đã ly thân nhau từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay nên tình cảm của chị đối với anh T không còn nữa.

2.3. Đối với anh Lê Tấn T vắng mặt tại phiên tòa mà cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu xin ly hôn của chị N và cũng không đến để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ, chứng tỏ rằng anh T không có thiện chí đoàn tụ với chị N. Vì

vậy chị N xin ly hôn với anh T là có căn cứ nên cho chị N ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.4. Về con chung: Chị N và anh T chung sống có 02 con chung tên Lê Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 24/6/2009 và Lê Thảo N, sinh ngày 18/6/2012. Khi ly hôn chị N xin tiếp tục được nuôi các con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T vắng mặt và không có ý kiến gì đối với việc chị N xin được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Nguyễn Tuấn P và Lê Thảo N.

Xét thấy con chung tên Lê Nguyễn Tuấn P có nguyện vọng sống với chị N khi chị N và anh T ly hôn với nhau. Mặt khác, từ khi chị N và anh T ly thân nhau cho đến nay con chung tên Lê Thảo N do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường của các con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho các con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung tên Lê Nguyễn Tuấn P và Lê Thảo N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ánh N phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh N về việc xin ly hôn với anh Lê Tấn T. Chị Nguyễn Thị Ánh N được ly hôn với anh Lê Tấn T.

2. Con chung: Chị Nguyễn Thị Ánh N được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 24/6/2009 và Lê Thảo N, sinh ngày 18/6/2012. Anh Lê Tấn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết chị N và anh T có quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không có.

4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ánh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sung Ngân sách Nhà nước. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003786 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí để thi hành, chị N không phải nộp tiếp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND thị trấn Hậu Nghĩa;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Bình An

